

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Đơn vị tính :VNĐ	
STT	NỘI DUNG	SD ĐẦU NĂM	SD CUỐI NĂM
		31/12/09	31/12/08
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	76.006.836.483	44.355.642.810
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.962.327.018	7.469.025.882
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14.550.736.603	3.007.500.000
3	Các khoản phải thu khác	30.269.461.117	24.398.560.306
4	Hàng tồn kho	14.207.038.654	9.080.556.622
5	Tài sản ngắn hạn khác	17.273.091	400.000.000
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	16.093.881.532	17.531.892.619
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	16.093.341.532	17.469.859.619
	-Tài sản cố định hữu hình	16.093.341.532	17.469.859.619
	-Tài sản cố định vô hình		
	-Tài sản cố định thuê tài chính		
	-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	540.000	350.000
5	Tài sản dài hạn khác		61.683.000
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	92.100.718.015	61.887.535.429
IV	NỢ PHẢI TRẢ	44.040.849.198	20.215.262.789
	Nợ ngắn hạn	43.760.142.605	19.934.556.196
	Nợ dài hạn	280.706.593	280.706.593
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	48.059.868.817	41.672.272.640
1	-Vốn chủ sở hữu	47.233.683.639	41.102.237.300
	-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.060.000.000	27.060.000.000
	-Thặng dư vốn cổ phần	40.239.000	40.239.000
	-Vốn khác của chủ sở hữu	2.811.437.613	1.691.437.613
	- Cổ phiếu ngân quỹ		
	-Chênh lệch đánh giá lại tài sản	122.657.038	
	-Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	-Các quỹ	8.415.283.113	6.372.512.234
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.784.066.875	5.938.048.453
	-Nguồn vốn đầu tư XD CB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	826.185.178	570.035.340
	-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	826.185.178	570.035.340
	-Nguồn kinh phí		
	-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	92.100.718.015	61.887.535.429

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	357.537.320.222	411.193.548.750
2	Các khoản giảm trừ	105.044.104	52.862.141
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	357.432.276.118	411.140.686.609
4	Giá vốn hàng bán	313.388.185.381	382.674.280.475
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.044.090.737	28.466.406.134
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.379.003.930	1.671.043.347
7	Chi phí tài chính	936.115.528	1.137.442.605
8	Chi phí bán hàng	20.390.156.559	10.598.724.529
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.997.182.768	4.581.241.433
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.099.639.812	13.820.040.914
11	Thu nhập khác	677.319.536	430.947.669
12	Chi phí khác	294.026.043	1.229.095.945
13	Lợi nhuận khác	383.293.493	-798.148.276
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.482.933.305	13.021.892.638
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.383.166.226	1.840.010.646
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.099.767.079	11.181.881.992
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.211	4.132
18	Cổ tức trên cổ phiếu		

III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Áp dụng báo cáo năm)

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO 31/12/2009	KỲ TRƯỚC 31/12/2008
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	-Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	17,47	28,23
	-Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	82,53	71,67
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	-Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	44,82	32,66
	-Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	51,28	67,34
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	-Khả năng thanh toán nhanh	1,4	1,74
	-Khả năng thanh toán hiện hành	2,1	3,06
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	15,31	18,07
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,9	2,71
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	29,85	26,83

TP.HCM, Ngày 20 tháng 01 năm 2010
Tổng Giám Đốc